

# PHÁP LUẬT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THEO LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2020 - BẤT CẬP VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Nguyễn Chí Dũng<sup>75</sup>

**Tóm tắt:** *Quản trị doanh nghiệp nói chung và đặc biệt là quản trị công ty cổ phần nói riêng có vai trò rất quan trọng, góp phần đảm bảo cho doanh nghiệp vận hành nhịp nhàng, hiệu quả và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp cho các nhà đầu tư. Trong phạm vi bài viết này, tác giả chỉ ra những hạn chế, bất cập đồng thời đưa ra một số kiến nghị góp phần hoàn thiện các quy định pháp luật Việt Nam có liên quan đến vấn đề quản trị công ty cổ phần.*

**Từ khóa:** *Công ty cổ phần; quản trị công ty*

**Abstract:** *In generally, enterprise management and especially joint stock company in particular plays a very important role, contributing to ensuring the smooth and efficient operation of enterprises and ensuring legal rights and interests for investors. In this article, the author points out the limitations and inadequacies and makes some recommendations to provide to the improvement of Vietnamese legal regulations related to joint stock company management.*

**Keywords:** *Joint stock company; enterprise management*

## 1. Đặt vấn đề

Hoạt động quản trị công ty nói chung và công ty cổ phần nói riêng phụ thuộc vào nhiều yếu tố và một trong những yếu tố rất quan trọng đó là pháp luật về quản trị công ty cổ phần phải được chặt chẽ và phù hợp. Với việc ban hành Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã khắc phục được một số bất cập, hạn chế của Luật Doanh nghiệp năm 2014 về quản trị công ty cổ phần. Tuy nhiên, qua nghiên cứu các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, tác giả nhận thấy vẫn còn một số hạn chế, bất cập cần tiếp tục nghiên cứu nhằm sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hơn nữa.

## 2. Khái niệm quản trị công ty cổ phần

Khái niệm về quản trị công ty được nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Theo đó, “*Quản trị công ty là cách thức mà các nhà cung cấp nguồn vốn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư đảm bảo thu được lợi tức từ các khoản đầu tư của họ*”<sup>76</sup>. Như vậy, quản trị công ty được hiểu là các phương pháp được sử dụng trong việc quản lý, điều hành công ty, thông qua đó nhà đầu tư đạt được lợi nhuận trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Dưới góc độ ngôn ngữ học, quản trị công ty được hiểu: “*Là hệ thống các quy tắc để bảo đảm cho công ty được định hướng, điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của chủ đầu tư và những người có liên quan đến công ty*”<sup>77</sup>. Trong khi đó, theo OECD thì: “*Quản trị công ty bao gồm việc thiết*

<sup>75</sup> Thạc sĩ, Phó khoa Luật - Giảng viên Trường Đại học Nam Cần Thơ

<sup>76</sup> Shleifer, Andrei, Vishny, R. (1997), A Survey of Corporate Governance, Journal of Finance, 52 (2), trang 737-783

<sup>77</sup> Financial Time, Jun 21, 1999

*lập mối quan hệ giữa cơ cấu quản lý công ty, hội đồng quản lý công ty, các cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác nhau. Quản trị công ty cũng cung cấp cấu trúc mà thông qua đó các mục tiêu của công ty được thực hiện và những biện pháp để đạt được những mục tiêu và khả năng giám sát là được xác định*<sup>78</sup>. Từ các định nghĩa nêu trên cho thấy, quản trị công ty không chỉ là việc thiết lập mối quan hệ giữa các cơ cấu quản lý của công ty với nhau mà bao gồm cả việc thiết lập mối quan hệ giữa cơ cấu quản lý công ty với các bên có liên quan tham gia vào công ty. Nói cách khác, quản trị công ty là việc lập ra các cơ quan của công ty, đồng thời xác lập mối quan hệ giữa các cơ quan trong công ty với nhau và giữa các cơ quan trong công ty với các thành viên, cổ đông của công ty và các chủ thể khác có liên quan.

Từ những phân tích nói trên có thể hiểu, “*Quản trị công ty cổ phần là việc thiết lập mối quan hệ giữa các cơ quan quản lý trong công ty cổ phần với nhau nhằm bảo đảm cho công ty được định hướng, điều hành và kiểm soát một cách có hiệu quả, từ đó bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các bên có liên quan*”

### **3. Vai trò của quản trị công ty cổ phần**

Quản trị công ty nói chung và công ty cổ phần nói riêng có vai trò hết sức quan trọng trong thực tiễn và được thể hiện ở những phương diện sau đây:

*Thứ nhất*, quản trị công ty góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty đồng thời góp phần bảo vệ lợi ích của cổ đông và các chủ thể khác có liên quan. Thực tiễn đã cho thấy, quản trị doanh nghiệp tốt chính là nền tảng cho sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp. Ngược lại, nếu mô hình quản trị công ty kém hiệu quả thì hoạt động kinh doanh của công ty cũng kém hiệu quả, thậm trí dẫn đến phá sản, từ đó làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nhà đầu tư. Mặt khác, nếu công ty không có một cơ cấu tổ chức phù hợp, các cơ quan quản lý của công ty không có sự kiểm soát lẫn nhau sẽ dễ dẫn đến việc một chủ thể nào đó lạm quyền, từ đó có thể gây thiệt hại tới lợi ích của các cổ đông và các chủ thể khác có liên quan.

*Thứ hai*, việc quản trị công ty góp phần làm gia tăng lòng tin của các nhà đầu tư, qua đó sẽ góp phần thu hút dòng vốn của các nhà đầu tư vào công ty. Bởi lẽ, nhà đầu tư chỉ có thể bỏ vốn vào công ty khi công ty có một mô hình quản trị hiệu quả, sự vận hành của công ty là minh bạch, không khuất tất. Việc công ty có một mô hình quản trị tốt sẽ góp phần nâng cao uy tín và thương hiệu của công ty, từ đó tạo được niềm tin cho các nhà đầu tư. Ngược lại, nếu mô hình quản trị công ty thiếu sự minh bạch có thể sẽ dẫn đến những mâu thuẫn giữa các cổ đông ngày càng tăng, từ đó dẫn đến hệ quả tất yếu là các nhà đầu tư rút vốn ra khỏi công ty. Thực tiễn cũng đã cho thấy, các nhà đầu tư chỉ có thể bỏ vốn vào một doanh nghiệp khi doanh nghiệp mà họ dự định đầu tư đang có sự tăng trưởng hoặc có tiềm năng sẽ tăng trưởng. Do vậy, để góp phần tạo lòng tin và thu hút đầu tư có hiệu quả thì các doanh nghiệp phải hoạt động một cách hiệu quả. Trong khi đó, để một doanh nghiệp hoạt động hiệu quả thì vấn đề quản trị doanh nghiệp phải được thực hiện một cách có hiệu quả.

### **4. Một số bất cập trong các quy định pháp luật về tổ chức và quản trị công ty cổ phần**

Qua nghiên cứu các quy định pháp luật về quản trị công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp năm 2020 cho thấy, còn có một số hạn chế, bất cập như sau:

<sup>78</sup> Theo OECD (2004), *Các nguyên tắc quản trị công ty của OECD*, Chi tiết tại: OECD [www.oecd.org](http://www.oecd.org)

*Thứ nhất*, quy định về thời hạn Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng tối thiểu theo quy định không có sự thống nhất giữa các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020. Cụ thể, theo Khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì trường hợp điều lệ công ty không có quy định khác thì Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng tối thiểu theo quy định. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch hội đồng quản trị và các Thành viên hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với quy định tại Điều lệ thì Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba. Biết rằng, thời hạn triệu tập Đại hội đồng cổ đông được quy định tại khoản 2 Điều 140 và Điều 160 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 được áp dụng cho hai hoàn cảnh khác nhau. Theo đó, khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp năm 2020 áp dụng đối với trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng tối thiểu luật định. Trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị giảm một phần ba nhưng vẫn nhiều hơn số lượng tối thiểu theo quy định thì sẽ áp dụng Điều 160 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Tuy nhiên, trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị vừa giảm một phần ba và đồng thời việc giảm một phần ba thành viên Hội đồng quản trị sẽ thấp hơn số lượng tối thiểu theo quy định thì tình huống này sẽ rơi vào cả hai Điều luật. Chẳng hạn như trường hợp Hội đồng quản trị có ba thành viên, bị giảm một thành viên. Trong trường hợp này, số lượng thành viên Hội đồng quản trị vừa giảm một phần ba và vừa ít hơn số lượng tối thiểu theo quy định thì thời hạn Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông là 30 ngày theo quy định tại khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp năm 2020 hay 60 ngày theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp năm 2020? Do vậy, tác giả cho rằng Luật Doanh nghiệp năm 2020 cần được sửa đổi, bổ sung nhằm quy định thống nhất về thời hạn Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp thành viên của Hội đồng quản trị bị giảm.

*Thứ hai*, quy định về trách nhiệm của người quản lý công ty cổ phần còn mâu thuẫn giữa các Điều luật. Cụ thể, theo quy định tại Điều 136 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì trong trường hợp việc thanh toán số cổ được mua hoặc chi trả cổ tức trái với quy định của pháp luật thì cổ đông phải hoàn trả cho công ty số cổ phần đã nhận. Trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì tất cả các thành viên Hội đồng quản trị cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi trị giá số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại. Như vậy, theo quy định nói trên thì tất cả các thành viên của Hội đồng quản trị đều phải liên đới chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì chỉ những thành viên Hội đồng quản trị tán thành việc thông qua các nghị quyết trái với quy định mới phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về các nghị quyết, quyết định đó; Các thành viên phản đối việc thông qua các nghị quyết, quyết định nói trên sẽ được miễn trừ trách nhiệm. Do vậy, tác giả cho rằng, Luật Doanh nghiệp năm 2020 cần được sửa đổi, bổ sung nhằm quy định thống nhất về trách nhiệm của các thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết trái với quy định pháp luật và điều lệ của công ty.

*Thứ ba*, quyền khởi kiện của cổ đông đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc: Theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp luật định<sup>79</sup>. Quy định này còn tồn tại một số bất cập như sau: *Một là*, quy định này chỉ cho phép cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông khởi kiện mà không cho phép cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức khởi kiện là chưa thật sự hợp lý. Bởi lẽ, các quyết định của Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng giám đốc không chỉ ảnh hưởng đến lợi ích của cổ đông phổ thông mà cũng có khả năng ảnh hưởng đến cả lợi ích của các cổ đông ưu đãi; *Mặt khác*, quy định trên chỉ cho phép cổ đông khởi kiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trong khi đó, người quản lý công ty theo quy định pháp luật có thể các cá nhân khác theo quy định của Điều lệ công ty<sup>80</sup>. *Hai là*, quy định nói trên đề cập đến mục đích của việc các cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện là để “*yêu cầu hoàn trả hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác*”. Quy định khởi kiện để yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc bồi thường thiệt hại cho “*người khác*” ở đây được hiểu là chủ thể nào hiện chưa được Luật doanh nghiệp quy định cụ thể. Tại sao cổ đông lại được quyền khởi kiện để đòi bồi thường cho “*người khác*” và tại sao “*người khác*” phải thông qua các cổ đông để khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại? Bởi lẽ, theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự thì cổ đông không thể đương nhiên có quyền đại diện để khởi kiện yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại cho người khác<sup>81</sup>.

Bên cạnh đó, cũng theo quy định tại khoản 2 Điều 166 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì: “*Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty được tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện*”. Vậy, tại sao khởi kiện để đòi lợi ích cho chủ thể khác nhưng chi phí khởi kiện lại được tính vào chi phí của công ty. Ngoài ra, chi phí khởi kiện ở đây bao gồm những khoản chi phí gì để hoạch toán vào chi phí công ty thì hiện nay pháp luật cũng chưa có quy định rõ ràng. Những chi phí này ngoài tiền án phí, lệ phí tòa án thì có bao gồm cả các chi phí khác như chi phí thuê luật sư, đi lại, lưu trú hay không thì hiện nay pháp luật quy định chưa thực sự rõ ràng. Hơn thế nữa, quy định về chi phí khởi kiện được hoạch toán vào chi phí của công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện cũng thực sự khó hiểu. Bởi lẽ, nếu yêu cầu khởi kiện của cổ đông được chấp nhận thì bị đơn là người phải chịu án phí. Chỉ trong trường hợp cổ đông khởi kiện và bị bác bỏ yêu cầu thì họ mới phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Thứ tư*, theo Điều 167 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì một số loại hợp đồng, giao dịch giữa công ty với những người liên quan thì phải có sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông tùy theo từng trường hợp. Chẳng hạn như điểm b khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: “*Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có*

<sup>79</sup> Khoản 1 Điều 166 Luật Doanh nghiệp năm 2020

<sup>80</sup> Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

<sup>81</sup> Điều 187 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015

liên quan của cổ đông đó” thì phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Quy định này nhằm bảo đảm sự kiểm soát của Đại hội đồng cổ đông với các giao dịch có khả năng tư lợi của người nắm giữ cổ phần chi phối đối với công ty. Tuy nhiên, quy định này vẫn còn bộc lộ một số hạn chế nhất định. Cụ thể, quy định nói trên đề cập đến các giao dịch có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất với cổ đông sở hữu 51% cổ phần biểu quyết trở lên hoặc người liên quan của cổ đông đó thì phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Nếu giao dịch, hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 10% thì không cần sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Quy định này có thể được những người có khả năng tư lợi vận dụng theo cách xác lập nhiều hợp đồng trong các thời gian khác nhau và mỗi hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần và như vậy không cần thiết phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Chẳng hạn như tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp là 100 tỷ, người đại diện theo pháp luật có thể xác lập các hợp đồng, giao dịch trị giá 9 tỷ, sáu đó một thời gian lại xác lập tiếp hợp đồng khác trị giá 9 tỷ. Như vậy, mỗi hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp nhưng nhiều hợp đồng ở các thời điểm khác nhau thì có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp. Do vậy, quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 cần được sửa đổi, bổ sung nhằm kiểm soát chặt chẽ hơn các giao dịch có khả năng tư lợi, từ đó bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

### **5. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về tổ chức và quản trị công ty cổ phần**

Trên cơ sở các bất cập đã được phân tích ở trên, tác giả đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định tổ chức và quản trị công ty cổ phần trong Luật Doanh nghiệp năm 2020 như sau:

*Thứ nhất*, cần sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 160 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 nhằm bảo đảm sự thống nhất với khoản 2 Điều 140 của Luật Doanh nghiệp năm 2020. Cụ thể, điểm khoản 4 Điều 160 cần sửa đổi, bổ sung như sau: “Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba”. Việc sửa đổi, bổ sung như trên sẽ bảo đảm sự thống nhất giữa các quy định về thời hạn mà Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm, đồng thời góp phần thuận tiện trong việc nghiên cứu, áp dụng. Bên cạnh đó, Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý cao nhất trong công ty cổ phần. Chính vì vậy, khi số lượng thành viên Hội đồng bị giảm một phần ba thì dù có ít hơn số lượng tối thiểu theo quy định hay không Hội đồng quản trị cũng cần triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nhằm sớm kiện toàn cơ quan quản lý cao nhất của công ty cổ phần.

*Thứ hai*, cần sửa đổi, bổ sung Điều 136 Luật Doanh nghiệp năm 2020 nhằm bảo đảm sự thống nhất với khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Cụ thể, Điều 136 Luật Doanh nghiệp năm 2020 cần được sửa đổi theo hướng chỉ những thành viên của Hội đồng quản trị đã tán thành với nghị quyết về việc mua lại cổ phần của cổ đông hoặc nghị quyết chi trả cổ tức cho cổ đông trái pháp luật thì mới phải cùng liên đới chịu trách nhiệm trong trường hợp các cổ đông không trả lại cho công ty khoản tiền, tài sản đã nhận. Còn những thành viên Hội đồng quản trị đã phải đối nghị quyết trái pháp luật thì không phải liên đới chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ của công ty. Việc sửa đổi bổ sung Điều 136 Luật Doanh nghiệp năm 2020 theo hướng chỉ những thành viên Hội đồng quản trị tán thành nghị quyết trái pháp luật mới phải

liên đới chịu trách nhiệm, còn những thành viên Hội đồng quản trị không tán thành với nghị quyết trái pháp luật thì không phải chịu trách nhiệm là hợp lý. Bởi lẽ, một người chỉ phải chịu trách nhiệm pháp lý khi họ thực hiện một hành vi trái pháp luật. Những thành viên Hội đồng quản trị không tán thành với nghị quyết trái pháp luật thì họ không thực hiện hành vi trái pháp luật và do vậy họ không phải chịu trách nhiệm về nghị quyết đó.

*Thứ ba, sửa đổi, bổ sung quy định về quyền khởi kiện của cổ đông đối với trách nhiệm của Hội đồng quản trị, giám đốc, Tổng giám đốc: Cụ thể, khoản 1 Điều 166 Luật Doanh nghiệp năm 2020 cần được sửa đổi, bổ sung như sau: “Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác do vi phạm quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người quản lý công ty”. Việc sửa đổi, bổ sung quy định về quyền khởi kiện của cổ đông theo hướng trên vừa bảo đảm quyền khởi kiện của các loại cổ đông trong công ty vừa bao quát được đầy đủ các chủ thể được pháp luật quy định là người quản lý công ty có khả năng ban hành ra các quyết định làm thiệt hại đến lợi ích của các cổ đông.*

*Thứ tư, cần sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 167 theo hướng các giao dịch, hợp đồng có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất với cổ đông sở hữu từ 51% cổ phần có quyền biểu quyết hoặc người liên quan của cổ đông đó thì không cần sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên, Trường hợp trong cùng năm tài chính mà công ty xác lập các giao dịch khác với những người nêu trên thì mặc dù giao dịch có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính những nếu tính tổng giá trị của giao dịch đang xác lập và giao dịch đã xác lập trong cùng năm tài chính mà có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất thì phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Điều này sẽ góp phần bảo đảm Đại hội đồng cổ đông có thể kiểm soát tốt hơn các hợp đồng, giao dịch có khả năng tư lợi, qua đó góp phần bảo vệ lợi ích của cổ đông.*

## 6. Kết Luận

Quy định pháp luật về quản trị một doanh nghiệp nói chung có ý nghĩa rất quan trọng, đặc biệt là mô hình công ty cổ phần, khi mà công ty có rất nhiều cổ đông nhưng họ lại không trực tiếp tham gia quản lý, điều hành công ty. Qua nghiên cứu các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã cho thấy các quy định pháp luật về quản trị công ty cổ phần vẫn còn tồn tại một số bất cập, hạn chế cần được tiếp tục nghiên cứu nhằm sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hơn nữa.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- [2] Luật Doanh nghiệp năm 2020.
- [3] Finacial Time, Jun 21, 1999.
- [4] Nguyễn Chí Dũng (2020), *Bàn về trách nhiệm liên đới của người quản lý doanh nghiệp*, Tạp chí Luật sư Việt Nam, Số 1 - Năm 2021, trang 24 -27.
- [5] OECD (2004), *Các nguyên tắc quản trị công ty của OECD*, Chi tiết tại: OECD [www.oecd.org](http://www.oecd.org).
- [6] Shleifer, Andrei, Vishny, R. (1997), A Survey of Corporate Governance, *Journal of Finance*, 52 (2), P. 737-783